

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 76 /BC - TĐTĐ - P5



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 - NĂM 2018

Yên Bái, ngày 17 tháng 01 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		582.281.076.283	423.683.716.280
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	79.328.695.146	15.155.055.207
111	1. Tiền		28.268.695.146	15.155.055.207
112	2. Các khoản tương đương tiền		51.060.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	408.676.500.000	323.577.281.448
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		408.676.500.000	323.577.281.448
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		90.092.415.994	58.759.275.036
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		79.632.459.686	50.683.766.667
132	2. Trả trước cho người bán		841.277.110	338.210.874
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	11.387.655.949	8.449.025.034
139	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.768.976.751)	(711.727.539)
140	IV. Hàng tồn kho	6	4.183.465.143	4.397.682.691
141	1. Hàng tồn kho		4.183.465.143	4.397.682.691
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	21.794.421.898
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	21.794.421.898
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		423.727.674.667	464.391.942.478
220	II. Tài sản cố định		344.425.784.719	383.076.266.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	327.383.457.505	365.619.793.424
222	- Nguyên giá		1.461.989.223.503	1.457.612.756.267
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.134.605.765.998)	(1.091.992.962.843)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	17.042.327.214	17.456.472.830
228	- Nguyên giá		20.635.322.400	20.635.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.592.995.186)	(3.178.849.570)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		78.430.000.000	81.169.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.739.000.000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		871.889.948	146.676.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		871.889.948	146.676.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.006.008.750.950	888.075.658.758



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		120.402.315.195	26.449.442.348
310	I. Nợ ngắn hạn		120.402.315.195	26.449.442.348
			-	-
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		3.536.782.945	5.993.971.018
312	2. Người mua trả tiền trước		2.353.290.631	2.845.205.379
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.225.392.596	-
314	4. Phải trả người lao động		10.421.570.172	10.427.859.234
315	5. Chi phí phải trả	12	2.487.077.894	1.092.049.016
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13	99.227.343.572	6.090.357.701
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.150.857.385	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		885.606.435.755	861.626.216.410
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	885.606.435.755	861.626.216.410
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		250.606.435.755	226.626.216.410
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		292.827.531.546	136.359.582.432
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(42.221.095.791)	90.266.633.978
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.006.008.750.950	888.075.658.758

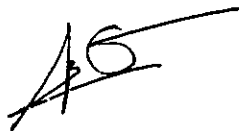
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2018

Người lập

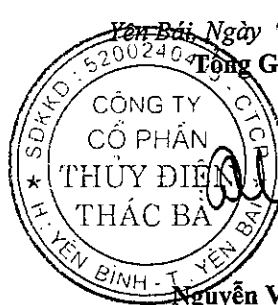


Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



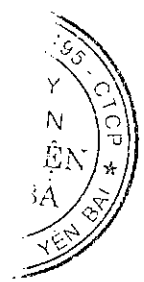
Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 17 tháng 1 năm 2019
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

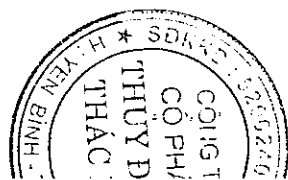
Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
 Quý 4 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Lũy kế đến 31/12/2018	Lũy kế đến 31/12/2017
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	113.532.538.029	93.252.256.572	396.075.329.219	342.841.574.218
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		113.532.538.029	93.252.256.572	396.075.329.219	342.841.574.218
11	4. Giá vốn hàng bán	17	38.701.993.016	37.035.981.216	134.013.647.511	124.755.937.861
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.830.545.013	56.216.275.356	262.061.681.708	218.085.636.357
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	9.748.545.724	6.087.576.801	33.434.184.502	25.070.794.100
22	7. Chi phí tài chính	19	2.739.000.000		2.739.000.000	37.916.667
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-	-	37.916.667
25	8. Chi phí bán hàng					
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.958.284.051	18.385.919.731	37.631.163.273	39.505.704.065
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		64.881.806.686	43.917.932.426	255.125.702.937	203.612.809.725
31	11. Thu nhập khác	20	952.725.000	4.091.181.953	1.150.739.384	4.440.672.860
32	12. Chi phí khác	21	471.502.027	345.868.112	507.835.359	397.908.815
40	13. Lợi nhuận khác		481.222.973	3.745.313.841	642.904.025	4.042.764.045
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.363.029.659	47.663.246.267	255.768.606.962	207.655.573.770



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
Quý 4 năm 2018

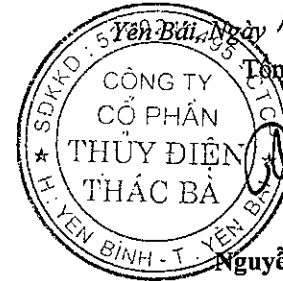
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.334.125.450	9.485.147.421	50.221.363.617	41.188.939.792
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>53.028.904.209</u>	<u>38.178.098.846</u>	<u>205.547.243.345</u>	<u>166.466.633.978</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	835	601	3.237	2.622
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh



Yên Bái, ngày 17 tháng 1 năm 2019

Ông Giám đốc

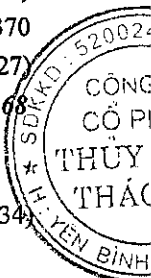
Nguyễn Văn Quyền



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		255.768.606.962	207.655.573.770
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		45.045.978.360	44.733.851.572
03	- Các khoản dự phòng		3.796.249.212	461.155.459
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(34.127.709.816)	(29.354.920.966)
06	- Chi phí lãi vay		-	37.916.667
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		270.483.124.718	223.533.576.502
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.554.822.520)	(22.014.078.770)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		214.217.548	658.646.748
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)		(6.283.386.157)	(13.575.766.808)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(725.213.724)	1.241.050.050
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(37.916.667)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(49.049.385.588)	(43.963.075.530)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		21.580.000	178.660.370
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.196.169.569)	(3.744.983.727)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		204.909.944.708	142.276.112.168
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.616.049.557)	(5.993.345.134)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		897.725.000	4.426.581.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(408.676.500.000)	(323.736.828.648)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		323.577.281.448	353.726.192.973
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(48.550.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.393.038.778	27.130.816.643
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(58.424.504.331)	7.003.417.652
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	5.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(5.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(82.311.800.438)	(158.353.575.780)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(82.311.800.438)	(158.353.575.780)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		64.173.639.939	(9.074.045.960)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		15.155.055.207	24.229.101.167



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

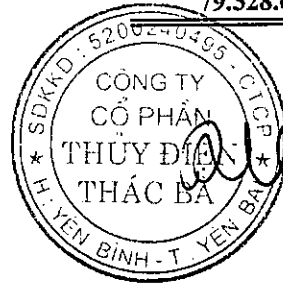
Quý 4 năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	<u>31/12/2018</u> VND	<u>31/12/2017</u> VND
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>79.328.695.146</u>	<u>15.155.055.207</u>

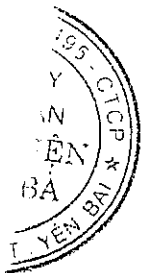
Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 17 tháng 1 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2018

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 28 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

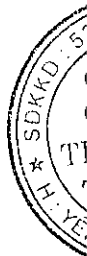
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán



Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a Chứng khoán kinh doanh

b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

c Các khoản cho vay

d Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

11/2
12/2
13/2
14/2
15/2
16/2
17/2
18/2
19/2
20/2
21/2
22/2
23/2
24/2
25/2
26/2
27/2
28/2
29/2
30/2
31/2

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả

2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Công văn chấp nhận số 12227/BTC-CĐKT ngày 03/9/2015 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện năm 2018 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐ ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14/01/2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19 . Các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
 Quý 4 năm 2018

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	186.143.543	418.608.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.082.551.603	14.736.446.263
Các khoản tương đương tiền (*)	51.060.000.000	-
	79.328.695.146	15.155.055.207

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VNĐ đến ngày 31/12/2018 tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 5%/năm đến 5,3%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1 Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	408.676.500.000	408.676.500.000	323.577.281.448	323.577.281.448
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác (**)	-	-	-	-
	408.676.500.000	408.676.500.000	323.577.281.448	323.577.281.448

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất là 5,8%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng) và từ 6,4%/năm đến 7,1%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng).

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
c Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác (***)	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000
	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: (2.739.000.000)

(***) Tại ngày 31/12/2018

- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này đang được giao dịch trên thị trường Upcom trong năm 2018 với mức giá giao dịch bình quân ngày cuối tháng 12 năm 2018 là 9.960 VNĐ/Cổ phiếu.

- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

5 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	10.193.320.979	-	6.252.175.255	-
Phải thu người lao động	352.916.709	-	227.313.087	-
Ký quỹ, ký cược	323.812.110	-	773.691.427	-
Phải thu khác	517.606.151	-	1.195.845.265	-
	11.387.655.949	-	8.449.025.034	-
b Dài hạn				

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2018

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.978.602.884	-	4.118.293.085	-
Công cụ, dụng cụ	204.862.259	-	279.389.606	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
	4.183.465.143		4.397.682.691	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	881.006.202
Thuế Giá trị gia tăng	-	10.688.431.901
Thuế tài nguyên	-	9.687.131.216
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	537.852.579
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	-	21.794.421.898

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2018

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến tr VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, VND	Thiết bị, dụng cụ qu VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2018	649.743.636.449	783.313.885.031	19.040.218.935	5.397.561.307	117.454.545	1.457.612.756.267
Mua sắm	-	2.998.134.909	1.243.010.454	375.209.091	-	4.616.354.454
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.157.895.103	-	-	-	-	2.157.895.103
Tăng khác	-	-	495.778.500	-	-	495.778.500
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(143.147.520)	(570.088.364)	(1.757.695.208)	(370.357.002)	-	(2.841.288.094)
Giảm khác	-	-	-	(52.272.727)	-	(52.272.727)
Tại ngày 31/12/2018	651.758.384.032	785.741.931.576	19.021.312.681	5.350.140.669	117.454.545	1.461.989.223.503
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2018	453.159.561.494	619.961.823.597	13.852.925.205	4.951.995.843	66.656.704	1.091.992.962.843
Trích khấu hao	21.672.539.313	22.078.906.911	876.008.526	140.562.852	10.003.032	44.778.020.634
Tăng khác	28.365.156	-	495.778.500	-	-	524.143.656
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(143.147.520)	(409.794.545)	(1.729.906.770)	(370.357.002)	-	(2.653.205.837)
Giảm khác	-	-	-	(36.155.298)	-	(36.155.298)
Tại ngày 31/12/2018	474.717.318.443	641.630.935.963	13.494.805.461	4.686.046.395	76.659.736	1.134.605.765.998
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	196.584.074.955	163.352.061.434	5.187.293.730	445.565.464	50.797.841	365.619.793.424
Tại ngày 31/12/2018	177.041.065.589	144.110.995.613	5.526.507.220	664.094.274	40.794.809	327.383.457.505

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2018

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Mua sắm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	3.104.828.730	74.020.840	3.178.849.570
Trích khấu hao	411.166.456	2.979.160	414.145.616
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	3.515.995.186	77.000.000	3.592.995.186
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	17.453.493.670	2.979.160	17.456.472.830
Tại ngày 31/12/2018	17.042.327.214	-	17.042.327.214

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Khác	-	-

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	31/12/2018 VND
Thuế Giá trị gia tăng	(10.688.431.901)	40.110.647.118	29.059.130.603	363.084.614
Thuế Thu nhập	(537.852.579)	50.221.363.617	49.049.385.588	634.125.450
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước		4.825.493.000	4.825.493.000	-
Thuế Tài nguyên	(9.687.131.216)	37.915.702.342	28.026.106.015	202.465.111
Thuế Thu nhập cá nhân	(881.006.202)	2.237.941.394	1.331.217.785	25.717.407
Các loại thuế khác	-	212.783.450	212.783.436	14
	(21.794.421.898)	135.523.930.921	112.504.116.427	1.225.392.596

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.234.545.455	698.766.630
Chi phí phải trả khác	1.252.532.439	393.282.386
	2.487.077.894	1.092.049.016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
Quý 4 năm 2018

b Dài hạn

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

a Ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH		90.917.383
Phải trả cổ tức cho cổ đông	95.404.042.064	151.962.690
Phải trả, phải nộp khác	3.823.301.508	5.847.477.628
	<u><u>99.227.343.572</u></u>	<u><u>6.090.357.701</u></u>

b Dài hạn

c Số nợ quá hạn chưa thanh toán

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2018

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018	635.000.000.000	-	-	-	226.626.216.410	861.626.216.410
Tại ngày 01/01/2018	635.000.000.000	-	-	-	226.626.216.410	861.626.216.410
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	205.547.243.345	205.547.243.345
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tặng khác (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(3.767.024.000)	(3.767.024.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(177.800.000.000)	(177.800.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	635.000.000.000	-	-	-	250.606.435.755	885.606.435.755



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2018

b) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>

15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại	<u>363</u>	<u>363</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	-

16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	109.247.434.054	381.583.540.412
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.285.103.975	14.491.788.807
	<u>113.532.538.029</u>	<u>396.075.329.219</u>

17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	36.785.510.180	128.982.127.208
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.916.482.836	5.031.520.303
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>38.701.993.016</u>	<u>134.013.647.511</u>

18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	7.748.545.724	27.884.184.502
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.000.000.000	5.550.000.000
	<u>9.748.545.724</u>	<u>33.434.184.502</u>

19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

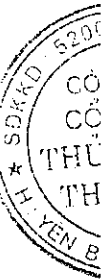
	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
	<u>2.739.000.000</u>	<u>-</u>

20 . THU NHẬP KHÁC

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
	<u>952.725.000</u>	<u>1.150.739.384</u>

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
	<u>471.502.027</u>	<u>507.835.359</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2018

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.265.103.306	4.466.632.804
Chi phí nhân công	16.313.439.001	39.937.088.957
Chi phí khấu hao	11.319.641.202	45.045.978.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.647.078.670	6.279.073.720
Chi phí khác	22.115.014.888	75.916.036.943
	<u>55.660.277.067</u>	<u>171.644.810.784</u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	905.058.488	1.975.274.484
Chi phí nhân công	6.821.567.751	15.667.236.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	557.304.815	2.071.078.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.388.857.709	3.694.771.159
Chi phí khác bằng tiền	6.285.495.288	14.222.803.169
	<u>16.958.284.051</u>	<u>37.631.163.273</u>

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2018
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.334.125.450	50.221.363.617
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>12.334.125.450</u>	<u>50.221.363.617</u>

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu tiền bán hàng			
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trực thuộc Tập đoàn EVN	75.782.146.916	43.928.102.708
Phải trả người bán ngắn hạn			
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	-	65.905.685

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
Quý 4 năm 2018

27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2018 với Quý 4 năm 2017

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2017 đạt 38.178.098.846 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2018 đạt 53.028.904.209 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2018 so với Quý 4 năm 2017 tăng 14.850.805.363 đồng, tương ứng tăng 39% là do các nguyên nhân sau:

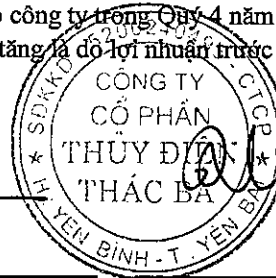
- Tổng doanh thu Quý 4 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 tăng 20.802.793.427 đồng, tương ứng tăng 20% chủ yếu là do Doanh thu hoạt động điện tăng 20.725.573.429 đồng, tương ứng tăng 23% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân xuất phát từ chiến lược chào giá phù hợp khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh của công ty trong Quý 4 năm 2018 mặc dù tình hình thủy văn Quý 4 năm 2018 không được thuận lợi so với cùng kỳ năm 2017, lưu lượng nước về hồ Thác Bà thấp hơn dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 4 năm 2018 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017 là 34,61 triệu kWh, tương ứng giảm 25% so với cùng kỳ năm 2017.

- Tổng chi phí Quý 4 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 tăng 3.103.010.035 đồng, tương ứng tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017 là do phát sinh 2,7 tỷ chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khoản đầu tư tại Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng và chi phí nguyên vật liệu chủ yếu tập chung vào Quý 4 năm 2018. Các khoản chi phí còn lại ổn định so với cùng kỳ năm 2017.

- Thuế TNDN Quý 4 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 tăng 2.848.978.029 đồng, tương ứng tăng 30% so với cùng kỳ năm 2017. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 4 năm 2018 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 4 năm 2018 tăng là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 4 năm 2018 tăng so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 17 tháng 1 năm 2019

